

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 167-V02/TPP-CTY/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38609003

Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **QUÁNH VÂN ĐÁ OMI SIMPLE**

2. Thành phần: Nhôm đúc phủ hai mặt 5 lớp vân đá, thủy tinh, silicone, inox 304

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng đến khi sản phẩm bị hư hỏng, móp méo. Không sử dụng sản phẩm khi lớp chống dính bong tróc

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 08 cái/ thùng carton

Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Theo Hợp đồng số: IN-DR-20230613 ngày 13/06/2023

- Xuất xứ: Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”
- QCVN 12-3:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”
- QCVN 12-4:2015/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Ngô Đức Trung
Phó Tổng giám đốc

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Tên sản phẩm:	Quánh vân đá Omi Simple
Loại:	18 cm
Mã sản phẩm:	HINQUOS.VD18
Thông số kỹ thuật:	Kích thước (D x R x C) tương ứng (390 x 200 x 105) mm
Khối lượng tịnh:	990 g
Thành phần:	Nhôm đúc phủ hai mặt 5 lớp vân đá, Thủy tinh, Silicone, Inox 304
Hướng dẫn sử dụng:	Dùng để nấu chín thực phẩm Thích hợp cho bếp gas, bếp điện, bếp hồng ngoại, bếp từ
Bảo quản:	Nơi khô ráo, thoáng mát

Thông tin cảnh báo:

- Sản phẩm mới trước khi sử dụng nên vệ sinh bằng cách cho nước vào sản phẩm và đun sôi, sau đó rửa kỹ bằng miếng rửa chén mềm cùng chất tẩy rửa nhẹ.
- Khi ngâm hoặc rửa trong trạng thái sản phẩm còn nóng có thể làm hỏng lớp phủ, hãy để nguội hẳn rồi mới rửa.
- Không dùng miếng rửa chén thô cứng hoặc các chất tẩy rửa mạnh để cọ rửa. Rửa thật sạch bằng nước ấm sau khi nấu các món mặn hoặc nhiều gia vị để không còn cặn bẩn bám trên sản phẩm. Cặn sau khi nấu nếu không rửa sạch có thể bám thành màu sạm khi nấu ăn lần sau.


Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích,
Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Theo số hồ sơ tự công bố:
0167-V02/TPP-CTV/2023

Xuất xứ Việt Nam
SX 08/2023



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2023-00101755	
Mã số kết quả :	AR-23-VD-105852-01-VI / EUVNHC-00227486	

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú TP.HCM, Việt Nam

Tên mẫu :	Quánh vãn đá
Tình trạng mẫu :	Omi Simple
Ngày nhận mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	10/08/2023
Thời gian thử nghiệm :	10/08/2023 - 17/08/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	17/08/2023
Mã số PO của khách hàng :	LX2R2308103972



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
Phần thân + tán inox					
1	VD772 VD (a) Arsenic (As) (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.2
2	VD771 VD (a) Arsenic (As) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.2
3	VD774 VD (a) Cadimi (Cd) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.1
4	VD775 VD (a) Cadimi (Cd) (Nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0008)	0.1
5	VD778 VD (a) Chì (Pb) (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0015)	0.4
6	VD777 VD (a) Chì (Pb) (acid citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	AOAC 2015.01; QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.0015)	0.4
7	VD779 VD (a) Formaldehyd (nước, 95°C, 30 phút)		QCVN 12-3:2011/BYT	Âm tính	Âm tính
8	VD782 VD (a) Cặn khô (Heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
9	VD783 VD (a) Cặn khô (ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
10	VD0FQ VD (a) Cặn khô (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
11	VD0FR VD (a) Cặn khô (A.acetic 4%, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	30
12	VD742 VD Epichlorohydrin (Pentane, 25°C, 2 giờ)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.1)	0.5
13	VD747 VD Vinyl clorid (Ethanol 20%, 5°C, 24 giờ)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.01)	0.05
14	VD0FP VD Phenol (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-3:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	5
Phần silicone					
15	VD752 VD (a) Chì (Pb)	µg/ g	AOAC 2015.01; QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.08)	100

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
Phần silicone					
16	VD753 VD (a) Cadmi (Cd)	µg/ g	AOAC 2015.01; QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.04)	100
17	VD0FB VD 2-Mercaptoimidazolin (Cao su chứa Clor)		QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính	Âm tính
18	VD0FH VD (a) Formaldehyde (Nước, 95°C, 30 phút)		QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính	Âm tính
19	VD0FG VD Phenol (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=1)	5
20	VD0FI VD Kẽm (Zn) (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=0.1)	15
21	VD0FJ VD (a) Kim loại nặng quy Pb (A.acetic 4%, 95°C,30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD = 0.4)	1
22	VD0FL VD (a) Cặn khô (A.acetic 4%, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	60
23	VD0FK VD (a) Cặn khô (nước, 95°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	60
24	VD786 VD (a) Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ ml	QCVN 12-2:2011/BYT	Không phát hiện (LOD=5)	60
Nắp Thủy tinh					
25	VD0FS VD (a) Cadimi(Cd) (Acid acetic 4%, 22 ±2°C, 24 giờ)	mg/ dm ²	QCVN 12-4:2015/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.00008)	0.07
26	VD0FT VD (a) Chì (Pb) (Acid acetic 4%, 22 ±2°C, 24 giờ)	mg/ dm ²	QCVN 12-4:2015/BYT; AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.00017)	0.8

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Phần thân + tán inox" phù hợp với QCVN 12-3:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm).

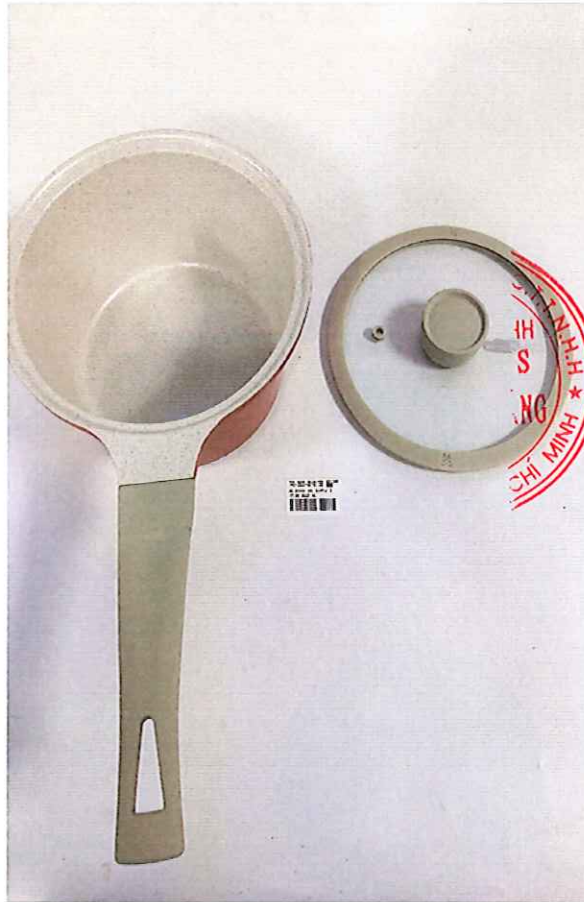
Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Phần silicone" phù hợp với QCVN 12-2:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Những chỉ tiêu trên bảng kết quả kiểm nghiệm cho phần "Nắp Thủy tinh" phù hợp với QCVN 12-4:2015/BYT- Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia Về Vệ Sinh An Toàn Đối Với Bao Bì, Dụng Cụ Làm Bằng Thủy Tinh, Gốm, Sứ Và Tráng Men Tiếp Xúc Trực Tiếp Với Thực Phẩm.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCMLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 28/08/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 28/08/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.